

UBND TỈNH HÀ GIANG
SỞ TƯ PHÁP

Số: **505**/STP-PBGDPL

V/v báo cáo tình hình cung cấp
thông tin về triển khai thi hành Luật
Tiếp cận thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày **12** tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 2906/BTP-PLSHHC ngày 11/8/2020 của Bộ Tư pháp về việc đôn đốc việc thực hiện và cung cấp thông tin về tình hình triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Để có số liệu xây dựng dự thảo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ. Sở Tư pháp đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương gửi Báo cáo tình hình cung cấp thông tin về tình hình triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin (*theo đúng mẫu báo cáo gửi kèm theo*)¹ và gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 20/8/2020** (bao gồm file điện tử PBGDPL.STP@hagiang.gov.vn). Nếu đơn vị nào không Báo cáo hoặc không thực hiện đúng theo mẫu Báo cáo, Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật – Sở Tư pháp điện thoại: 02193867065.

Sở Tư pháp trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (B/c);
- Lưu: VT, PBGDPL, HVB60.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Duy舜

¹ Lưu ý: Tài mẫu Báo cáo tại địa chỉ: stp.hagiang.gov.vn – mục hệ thống văn bản chọn văn bản của Sở Tư pháp



MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN

Từ 01/7/2018 đến 30/6/2020

(Kèm theo Công văn số: 505/STP-PBGDPL ngày 12/8/2020 của Sở Tư pháp)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa bàn quản lý (nêu rõ số lượng và các hình thức tuyên truyền, phổ biến như: tổ chức hội nghị quán triệt/tập huấn; biên soạn và cung cấp tài liệu tuyên truyền: sổ tay, tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm,...).

2. Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP theo thẩm quyền.

3. Kết quả tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng cung cấp thông tin cho người làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị mình (hình thức, số lượng tập huấn).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Kết quả chung

1.1. Về các thông tin được công khai (loại thông tin được công khai, hình thức, thời điểm công khai...).

1.2. Về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu, cung cấp thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (số lượng yêu cầu, hình thức yêu cầu, hình thức cung cấp thông tin, thời gian cung cấp thông tin, việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin,...).

1.3. Về việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp cận thông tin (như bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu...).

1.4. Về việc bố trí cán bộ đầu mối, nguồn nhân lực bảo đảm phục vụ công tác tiếp cận thông tin (bố trí cán bộ đầu mối ở bộ phận nào của cơ quan, hoạt động chuyên trách hay kiêm nhiệm); lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu.

1.5. Về việc ban hành và công bố công khai Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin (thời điểm ban hành, công khai và kết quả triển khai thực hiện).

1.6. Về việc vận hành Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin (xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan mình); việc duy trì, lưu giữ, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu và kết nối cơ sở dữ liệu với Chuyên mục về tiếp cận thông tin.

1.7. Về việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (thời điểm lập, mức độ cập nhật).

1.8. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin (nêu rõ các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi và phù hợp với khả năng tiếp cận của người khuyết tật; việc bố trí thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của người yêu cầu cung cấp thông tin; việc bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin...).

1.9. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (nêu cụ thể các hình thức cung cấp thông tin phù hợp với các đối tượng và điều kiện tại các khu vực này; việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin tại các khu vực này...).

1.10. Về chi phí tiếp cận thông tin (việc tuân thủ các quy định pháp luật về chi phí tiếp cận thông tin; ban hành văn bản hướng dẫn (nếu có)...).

1.11. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tiếp cận thông tin (số lượng khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và kết quả giải quyết (nếu có)) và việc xử lý vi phạm (nếu có).

2. Kết quả cung cấp thông tin trong các lĩnh vực (thông tin cung cấp theo yêu cầu được tổng hợp theo các lĩnh vực sau):

2.1. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực đất đai.

2.2. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực y tế.

2.3. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực giáo dục.

2.4. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở.

2.5. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh.

- 2.6. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân sách.
- 2.7. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.
- 2.8. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.
- 2.9. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực tư pháp.
- 2.10. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực nội vụ.
- 2.11. Kết quả cung cấp thông tin trong lĩnh vực khác.

(Đề nghị nêu rõ số lượng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân (nêu rõ số lượng yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp - nếu có); các hình thức yêu cầu cung cấp thông tin; số lượng yêu cầu hợp lệ và được giải quyết cung cấp thông tin; số lượng yêu cầu bị từ chối cung cấp thông tin và lý do; việc bảo đảm thời hạn giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin; việc xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác (nếu có)).

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Đánh giá chung
2. Thuận lợi
3. Khó khăn, vướng mắc
4. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan xây dựng, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tiếp cận thông tin (Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tư pháp...).
2. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin (các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của Luật).
3. Đề xuất, kiến nghị khác.